

TRUYỆN NGẪM NHẠY VÀ “GIMPEL THẰNG NGỐC” CỦA ISSAC BASHEVIS SINGER

PGS. TS. Lê Huy Bắc

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

1. Khái niệm

“*Nhại*” (Parody) có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp *paroidia*, có nghĩa “một bài hát được hát cùng bài hát khác”. Trong văn học, *nhại* là hình thức phê bình châm biếm hoặc là hình thức chế giễu khôi hài bằng cách bắt chước phong cách (style) và bút pháp (manner) của một nhà văn hoặc một nhóm nhà văn riêng biệt để nhấn mạnh đến sự non yếu của nhà văn ấy hoặc những qui ước bị lạm dụng của trường phái ấy. *Nhại* khác với trò hài hước (burlesque) ở độ sâu từ sự xâm nhập kĩ thuật của nó và bởi độ sâu từ sự bôi bác, được dùng để xử lý những vấn đề được đề cao trong bút pháp tầm thường, *nhại* thật sự bóc trần một cách tàn nhẫn những mảnh lối của bút pháp lẫn tư tưởng của những nạn nhân của nó nhưng *nhại* không thể được thực hiện nếu không có sự đánh giá thấu đáo tác phẩm mà nó chế giễu.”⁽¹⁾

Thế kỷ XX là thế kỷ bùng nổ loại hình văn học *nhại*. Dĩ nhiên, đây chẳng phải là độc quyền của bất cứ trào lưu hay giai đoạn sáng tác văn chương nào. Ngay trong ngụ ngôn Aesop thời cổ đại, chúng ta cũng bắt gặp các yếu tố *nhại* này. Đến thời Phục hưng, cuốn tiểu thuyết vĩ đại của mọi thời *Don Quixote* cũng là một bằng chứng sinh động của một văn bản *nhại*.

Xem ra, ở mỗi giai đoạn bước ngoặt lịch sử, văn chương đều xuất hiện các tác phẩm *nhại*. Nói cách khác, việc xuất hiện các tác phẩm *nhại* là dấu hiệu hoặc động

lực thúc đẩy sự đổi thay của xã hội theo hướng tốt đẹp hơn. Bởi lẽ, về bản chất *nhại* gắn với tiếng cười để tống tiễn cái xấu, cái ác, chào đón cái thiện, cái tốt đẹp hơn. Và bao giờ cũng vậy, khi *nhại* xuất hiện thì chủ thể *nhại* ý thức được sức mạnh, sự thắng thế của mình trước đối tượng *nhại*. Tuy nhiên, sự thắng thế này vẫn chỉ ở trong phạm vi tranh chấp chứ chưa được hiện hình rõ ràng.

Nhại gắn liền với sự thay thế. Phương Tây rất quen thuộc với *nhại* bởi với họ *giải thiêng* là một trong những nguyên tắc sống còn, là động lực thúc đẩy xã hội. Với phương Tây, chẳng có gì là bất biến và trường cửu ở ngôi chí tôn. Không có một sự độc tôn duy nhất mà theo thời gian những đỉnh cao sẽ được tiếp nối, xuất hiện rồi lại tàn. Như thế, *giải thiêng* là cơ sở của *nhại*. Văn học *nhại* xuất hiện kèm theo nó là sự đổi mới không thể tránh.

Cũng cần lưu ý điều này, *giải thiêng* không có nghĩa là phủ nhận hay bôi đen quá khứ, thần tượng mà đây chỉ là cách nhìn quá khứ một cách tỉnh táo hơn. Qua đó, nó giúp con người ý thức hơn về thực tại. Như trở thành quy luật, khi sử dụng *nhại*, các nhà văn không hề đặt trọng tâm hay cái nhìn của mình lên quá khứ. Có nghĩa, họ không thực sự quan tâm đến cái đã qua, cái mà họ mang ra chế giễu, mà bao giờ họ cũng hướng đến thực tại, bởi mối lo âu thực tại vẫn là gánh nặng muôn đời để bất kỳ một kiệt tác văn chương nào cũng phải mang.

Một đặc điểm quan trọng thường thấy trong văn học nhại là tính đa trị, đa diện mạo. Đặc biệt nhại tạo ra độ mờ hóa cao cho sự kiện, hình tượng. Do vậy, hiểu được giá trị của hình tượng nhại đâu phải dễ. Người đọc cần phải có một nền tảng kiến thức văn hóa và trải nghiệm cuộc sống nhất định thì mới thấu hiểu. Chẳng hạn, trong dòng văn học hậu hiện đại Nga, tác giả Vladimir Macanin mang quan điểm *cái đẹp cứu thế giới* của Dostoievski ra nhại trong truyện ngắn *Tù binh Cavcaz*. Điều này cho thấy nhại đòi hỏi tính trí tuệ cao. Nó đáp ứng được nhu cầu phân hóa độc giả của kỉ nguyên hậu hiện đại. Tuy nhiên, điểm khác giữa truyện ngắn nhại so với truyện ngắn mảnh vỡ là nó đáp ứng cả hai dạng độc giả: bình dân và bác học. Với đối tượng độc giả bình dân, tác phẩm nhại chủ yếu được tiếp nhận ở góc độ giải trí, gây cười. Còn với đối tượng độc giả bác học thì đằng sau tiếng cười ấy người đọc có thể khai thác hình tượng, sự kiện ở nhiều cấp độ khác nhau.

Đối tượng tác phẩm nhại hướng đến thường là những đối tượng chóp bu, hoặc là tôn giáo, hoặc là giới cầm quyền, hay một hành vi phổ quát nào đó của xã hội... Do vậy, đối với các thể lục thống trị, văn học nhại thường là cái gai trong mắt họ. Nhưng do tính chất lập lờ của hình tượng, người ta không thể công khai kết tội văn học nhại. Vì nếu làm như thế thì họ tự thú nhận những điểm xấu xa của chính bản thân mình theo lối *lay ông tôi ở bụi này*. Từ góc độ này, nhại đã mang lại cho tác phẩm một diện mạo đa cấp, lung linh, huyền ảo, diệu kỳ.

2. Issac Bashevis Singer

Isaac Bashevis Singer (1904-1991), nhà văn Mỹ, sinh trưởng tại Ba Lan trong một gia đình gốc Do Thái. Năm 1935, Singer nhập quốc tịch Mỹ. Ông là nhà văn sáng tác bằng tiếng Yiddish đầu tiên đoạt giải Nobel. Yiddish là

ngôn ngữ Do Thái, ít người sử dụng nhưng Singer vẫn trung thành với ngôn ngữ của tổ tiên mình. Khi được hỏi lý do, ông đáp "Những hồn ma yêu ngôn ngữ Yiddish. Tất cả bọn họ đều nói thứ tiếng này". Cha và ông của Singer đều là Giáo sĩ Do Thái, bản thân Singer cũng từng được đào tạo tại trường dòng Wasso. Singer lớn lên trong bầu không khí Do Thái thuần khiết. Gia đình ông là một gia đình trí thức, tuy không giàu nhưng "chữ nghĩa thì đầy nhà", theo cách nói của Singer, "Nhà tôi là ngôi nhà học hành, nhà của lương tri, của nguyện cầu và của những câu chuyện kể vô tận". Môi trường sống ấy đã góp phần không nhỏ trong việc hình thành nên nhân cách, thiên tài của nhà văn. Năm 1935, khi Đức Quốc xã xâm lược Ba Lan, Singer cùng với người anh sang Tây Âu rồi sang Mỹ. Năm 1943, ông bắt đầu kiếm sống bằng ngòi bút. Ban đầu Singer theo đuổi nghề báo. Ông làm phóng viên cho tờ Nhật báo Tiến bộ của cộng đồng Do Thái và viết các vở kịch nhiều kỳ cho đài phát thanh. Năm 1950 khi cuốn *Gia đình Moskat* của ông viết về ba thế hệ của một gia đình Do Thái ở Wasso được dịch sang tiếng Anh thì tên tuổi ông thực sự vang dội trên văn đàn. Kể từ đó, ông liên tục cho ra mắt nhiều tiểu thuyết, truyện ngắn, bài bình luận, truyện thiếu nhi và nhiều tập tự truyện. Sự nghiệp sáng tác của Singer rất bền bỉ. Ông còn nổi tiếng với các cuốn *Satäng ở Goray* (1955), *Pháp sư Lublin* (1960), *Golem* (1982) và nhiều tập truyện ngắn. Trong đó nổi tiếng nhất là những truyện ngắn: *Gimpel thàng ngốc*, *Bài giảng*, *Chiếc chìa khóa*... Truyện của Singer lấy bối cảnh ở nhiều vùng đất khác nhau nhưng tập trung nhất vẫn là địa danh Xten, khu cộng đồng Do Thái ở Đông Âu.

Singer nổi tiếng cả về truyện ngắn lẫn tiểu thuyết. Tác phẩm của ông luôn được thể hiện bằng hình thức văn

phong dung dị, nhẹ nhàng, đầy biểu cảm. Nhưng bên dưới là dòng chảy ngầm giễu cợt tố cáo tội ác của những thế lực đen tối, đẩy người Do Thái nói riêng và nhân loại nói chung vào ngõ cụt diệt vong. Bút lực Singer tỏ ra rất dỗi dào khi khai thác chiều sâu nội tâm con người. Cái nhìn của ông về thế giới chứa chan tình yêu thương. Đọc ông, ta không có sự bực bội, sự cảm phẫn mãnh liệt về xã hội, về con người mà là tình cảm cảm thông, xót xa cho số phận những con người tự mình lầm lỡ hay bị ngoại cảnh đẩy vào con đường tha hóa, băng hoại đạo đức. Vì lẽ này nên ta có thể xem, Singer là nhà văn tiêu biểu trong việc giương cao ngọn cờ gìn giữ đạo lý làm người. Singer thường sử dụng các đề tài, môtip và các huyền thoại cổ Do Thái trong sáng tác của mình. Điều này đã góp phần tích cực trong việc khu biệt phong cách sáng tạo độc đáo của ông.

3. “Gimpel thẳng góc”

Đây là truyện ngắn nhại độc đáo của Issac Bashevis Singer. Đối tượng bị tác giả giễu nhại ở đây là quan niệm khôn - dại, thông thái - ngu ngốc của con người.

Các phạm trù này không chỉ được khai thác trong đời sống thường ngày mà được đặt trong tương quan với nền tảng đạo đức của Do Thái giáo và cả Thiên Chúa giáo. Gimpel mồ côi, sống với ông nội. Ông nội mất, Gimpel phải đi làm ở lò bánh mì để kiếm sống. Cách chọn hoàn cảnh xuất thân như thế mang đậm dấu ấn cổ tích. Môtip nhân vật này rất quen thuộc với độc giả. Ngay lập tức, người kể nhận được sự thông cảm từ phía người đọc và chờ đợi những tai ương cũng như những hạnh phúc mà một đứa bé mồ côi sẽ gặp trong tương lai.

Xung đột (truyện cổ tích phải có xung đột) xảy ra không phải giữa Gimpel và chủ như ta thường gặp và cũng không

phải là xung đột về phương diện vật chất mà là xung đột về tinh thần. Mọi người xem Gimpel ngốc nghếch và mang anh ta ra làm trò đùa. Còn anh ta vừa ý thức được sự bỡn cợt của mọi người vừa không cưỡng lại được các trò đùa ấy. Sau mỗi lần bị lừa và biết được mình bị lừa, Gimpel đều đưa ra lý do để bào chữa cho hành động (hoặc để cắt nghĩa cho hành động) sai trái mà mọi người xử sự với mình. Qua những câu nói, suy nghĩ của Gimpel hoặc những kết luận của người khác về Gimpel, ý nghĩa nhại của thiên truyện hiển hiện và Gimpel đang từ thân phận là *thẳng góc* trong mắt mọi người dân thành phố ấy bỗng trở thành nhà *thông thái* trong mắt người đọc. Có nghĩa trong cùng lúc Gimpel vừa nhận thức được nguyên nhân lẫn ý nghĩa từ hành vi người khác dành cho mình. Gimpel giúp người đọc nhận thức lại thế giới xung quanh bằng chính sự tái nhận thức của mình. Và trật tự vốn ổn định bấy lâu, dưới hệ qui chiếu của cái nhìn mới, bỗng trở nên thảm hại đến nực cười.

Chuyện Gimpel lấy vợ là cả màn bi - hài kịch. Dân thành phố muốn Gimpel lấy Elka, một phụ nữ chẳng nét na lại đang mang bầu. Gimpel buộc lòng phải theo vì không thể cưỡng lại ý muốn của mọi người như mọi lần và chính bản thân anh ta cũng muốn lấy vợ. Hôn lễ được tổ chức ở “cổng nghĩa địa” vì “dịch kiết lị đang hoành hành”. Lúc mọi người đã ngà ngà say, hôn lễ đang được tiến hành, “giọng nói ngoan đạo vang vang của giáo sĩ” cất lên hỏi: “Cô dâu là bà góa hay là người đã ly dị?” có tiếng đáp thay lời cô ta: “Cả góa lẫn ly dị”. Gimpel bình luận: “Đấy là khoảnh khắc đen tối với tôi. Nhưng tôi còn biết làm gì, bỏ chạy khỏi rạp cưới ư?” Quả thật, trong cuộc sống biết bao cuộc hôn nhân, mà không ít người phải thốt lên theo cách của Gimpel.

Tiếng cười ở những tác phẩm nhại cổ điển thường được kể từ người ngoài cuộc. Điểm nhìn của người kể vì thế để

trùng với điểm nhìn của người đọc. Nhưng ở truyện này, Singer lại kể từ ngôi thứ nhất, để nhân vật xưng *tôi*. Vậy nên, người đọc khó có thể tham gia vào điểm nhìn ấy, mà chỉ có thể đối thoại, suy ngẫm về những gì người kể đặt ra. Đây là biện pháp *đối thoại hóa tự sự* một cách hiệu quả. Người đọc luôn được tạo điều kiện để dự cuộc kể do *tôi* đưa ra. Từ đó, biên độ hiện thực được phản ánh rộng mở vô cùng. Người kể ngay cả khi đưa ra lời khẳng định theo kiểu: “Con người ta không thể sống mà không có lỗi lầm... phụ nữ thì luôn dài về đầu tóc và ngắn về khả năng nhận thức”... thì đây vẫn là lối nói làm nên để người đọc tiếp tục suy nghĩ.

Viện dẫn đến kinh thánh là cách các nhân vật thường vận dụng. Sau khi kết hôn với Gimpel chưa đầy bốn tháng, Elka sinh ra một bé trai. Gimpel buộc tội Elka lừa dối chồng thì nhận được lời giải thích: cô ta giống bà nội, người có thời gian mang thai rất ngắn. Gimpel bán tín bán nghi liền đi hỏi thầy giáo, thì nhận được câu trả lời, “điều tương tự đã từng xảy ra với Adam và Eva. Họ lên giường vào lúc hai giờ và bốn giờ thì sinh hạ ra con người. - Chẳng có người đàn bà nào trên thế gian này lại không là con cháu của Eva, - ông ta nói”. Gimpel phản nản: “lập luận của họ làm cho tôi không tài nào mở miệng. Nhưng liệu có ai biết thực sự những chuyện như thế xảy ra theo cách nào?”

Nếu chỉ dựa vào cách nói nhún nhường của Gimpel thì thật tình người đọc khó có thể bảo anh ta khôn được. Thế nhưng, những câu nói mà Gimpel tự nhận là không hiểu đó thì người đời cũng chẳng có ai hiểu một cách khoa học hoặc lôgic (vì trong cuộc đời chẳng có ai sinh con chỉ vài tiếng đồng hồ sau khi lấy chồng). Nhưng kinh thánh đã nói như thế và xưa nay đây là chỗ dựa tuyệt đối về mặt tinh thần của con người. Nhưng nay, người ta lại viện dẫn để biện minh cho hành động xấu xa của

minh. Quả thật, với cách đặt vấn đề của Gimpel mà sâu xa hơn là cách xây dựng hình tượng Elka, Singer đã tạo nên một cú nhận thức lại kinh thánh bằng phép nhại sâu sắc vô cùng. Hóa ra, kinh thánh cũng có chỗ khiếm khuyết.

Nhưng ắt hẳn không phải là lỗi của kinh thánh bởi kể từ lúc Jesus ra đời cho đến trước thời Singer mấy ai hoài nghi về chuyện sinh con theo kiểu Eva ấy. Người ta biết điều đó là phi lý nhưng vẫn chấp nhận vì xem đây như là kỳ tích của Chúa. Nhưng ở thời hậu hiện đại, người ta không tin vào chuyện hoang đường ấy nữa. Vậy nên cách nói của Gimpel hàm chứa tính đối thoại nhưng lại không hề khẳng định. Sự khẳng định sẽ được đưa ra từ phía người đọc. Nhưng dấu cho người đọc có đưa ra ý kiến của riêng mình thì ý kiến đó cũng khó có thể được thừa nhận là đúng hay sai. *Bản chất hoài nghi và tính tương đối* cả trong nhận thức lẫn tồn tại của con người là vấn đề Singer đề cập trong truyện. Và hạnh phúc của con người, cũng được nhìn nhận theo nhiều cấp độ khác nhau: sống phục vụ cộng đồng và gia đình là hạnh phúc hay từ bỏ tất cả để sống cuộc đời hành khất là hạnh phúc? Sống với vật chất đầy đủ hay không cần vật chất ngoài cái ỏ rơm và tấm vải liệm của Gimpel là hạnh phúc?... Cuộc sống đâu để có câu trả lời.

Với Gimpel, *biết tin tưởng là hạnh phúc*. Triết lý của Gimpel thật đơn giản: *tin vào điều mình tin* cho dù vì đức tin mà dường như suốt cuộc đời Gimpel luôn bị lừa dối. Mọi người xung quanh lừa anh, cô vợ Elka lừa anh, quỷ sứ lừa dối anh, người ta dẫn cả kinh thánh để lừa dối anh... Nhưng tất cả không thể lung lạc được *niềm tin vào đức tin* của Gimpel: “tôi quyết tâm sẽ luôn tin tưởng vào những gì mình đã được dạy bảo. Không tin tưởng thì có gì tốt lành? Hôm nay, đây là cô vợ, bạn không tin tưởng, ngày mai ấy chính là Chúa, bạn sẽ chẳng tôn thờ.”

Triết lý sống của Gimpel thật đơn giản. Trước bao nghịch cảnh cuộc đời, Gimpel đều *cố gắng chịu*. Câu hỏi và câu trả lời Gimpel tự đặt ra là: “Con người ta biết làm gì? Chúa sinh ra đôi vai và cả gánh nặng?” Nhưng rồi ngày tháng qua đi niềm tin đó có lúc cũng bị chao đảo mạnh. Nhiều lần Gimpel suýt rơi vào con đường tội lỗi. Nhưng tại thời điểm quyết định giữa ranh giới đúng - sai, tốt - xấu ấy, Elka xuất hiện ngời sáng như một vị thánh. Nhờ Elka mà Gimpel nhận thức ra rằng những người đánh mất đức tin, đi lừa dối người khác thì chính họ đã tự dối mình và tự đưa mình vào con đường tội lỗi. Quả thật, khi ngao du khắp chốn, không tự bó buộc mình vào bất kỳ nghĩa vụ, bổn phận nào nữa, Gimpel nhận ra rằng thế giới này rộng lớn bao la và bất cứ ai người biết ăn năn hối cải, biết *tin vào đức tin của mình* thì người đó đều có thể trở thành thánh nhân, kể cả Elka, người mà sự lừa dối được nâng lên thành ý nghĩa cuộc đời: sống để lừa Gimpel.

Không những thế, Gimpel còn *ngộ* ra chân lý: mọi sự tồn tại đều có cái lý của nó, kể cả kinh thánh mà nhiều lần đã khiến anh trở thành nạn nhân: “Sau nhiều năm, tôi trở nên già nua, râu tóc bạc phơ; tôi đã nghe rất nhiều, nhiều lời nói dối và việc làm gian dối, nhưng càng già thì tôi càng hiểu ra rằng thực sự chẳng có điều gì là dối trá. Hễ bất cứ điều gì thực sự không xảy ra thì được mơ vào ban đêm. Nó xảy ra với người này nếu không xảy ra với người khác, ngày mai nếu không là hôm nay hoặc sẽ trong vòng một thế kỉ nữa nếu không là năm tới. Chúng có thể làm nên sự khác biệt gì nào? Thường khi nghe những chuyện như thế tôi nói, “Lúc này, đây là chuyện không thể xảy ra được”. Nhưng trước khi một năm trôi qua, tôi nghe nó đã thực sự xảy ra ở một nơi nào đó...”

“Cả những giấc mơ cũng diễn ra theo cách ấy. Đã nhiều năm kể từ khi tôi rời khỏi Frampol, nhưng bất cứ lúc nào hễ nhắm mắt là tôi thấy mình lại ở đó. Và bạn nghĩ tôi trông thấy ai? Elka. Cô ta

đang đứng bên chậu giặt, như trong lần chúng tôi gặp nhau đầu tiên, nhưng gương mặt cô ta thì rực sáng, còn mắt cô thì sáng ngời như mắt một vị thánh, cô ta nói những lời kỳ quặc với tôi, những điều kỳ lạ. Khi thức giấc, tôi quên hết sạch. Nhưng trong lúc giấc mơ diễn ra, tôi thấy dễ chịu. Cô ta trả lời tất cả những thắc mắc của tôi và hóa ra là mọi chuyện đều có lý của nó. Tôi sụt sùi và cầu khẩn, “Để tôi đi cùng bà”. Cô ta an ủi và bảo tôi hãy kiên nhẫn. Thời gian đến gần hơn, không lâu nữa. Thỉnh thoảng cô ta vuốt ve, hôn và khóc trên mặt tôi. Khi thức giấc, tôi vẫn cảm nhận môi cô ta và cả vị muối của nước mắt ấy.”⁽²⁾

Kết luận cuối cùng của nhà thông thái Gimpel (lúc này ta có thể gọi anh ta như thế) rằng *mọi sự đúng sai, khôn dại đều xuất phát từ quan niệm của con người*. Con người làm cho thế giới này đẹp hơn, phức tạp hơn, bằng cách... *tưởng tượng ra một trật tự và sống bằng trật tự đó*. Nếu đánh mất trật tự thì con người khó có thể tồn tại và xã hội cũng sẽ bị diệt vong: “Chẳng nghi ngờ gì nữa, rõ ràng thế giới này là thế giới của sự tưởng tượng nhưng duy nhất một lần nó được khai sinh từ cái thế giới thực. Cảnh ngưỡng cửa của ngôi nhà tồi tàn nơi tôi nằm, những tấm ván mang thi hài người chết được dựng ở đó. Người Do Thái đào huyết đã chuẩn bị xẻng sẵn sàng. Năm mồ chờ đợi và lũ giun cồn cào vì đói, tấm vải liệm - tôi mang theo trong túi hành khất của mình - đã luôn sẵn sàng. Một người ăn mày khác đang đợi để thừa kế chiếc ổ rơm của tôi. Khi thời gian điểm, tôi sẽ vui vẻ ra đi. Bất cứ thứ gì có thể tồn tại ở đó thì sẽ là xác thực, không phức tạp, không ngớ ngẩn, không gian dối. Tạ ơn Chúa: ngay đến cả Gimpel cũng không thể bị lừa dối” ■

Chú thích:

- (1) *Encyclopedia Britannica 2004 Deluxe Edition CD*, Mục từ *Parody*.
- (2) Issac Bashevis Singer, *Gimpel thắng ngục*, Lê Huy Bắc dịch, in trong *Truyện ngắn hậu hiện đại thế giới*, NXB Hội nhà văn, H., 2003, tr. 681.